

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2017/HS-ST**
Ngày 14 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Hồng Hạ

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2017/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

- **TRẦN VĂN K**, sinh ngày 21/02/1987 tại H, Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; đoàn thể, đảng phái: Đảng viên sinh hoạt tại chi bộ thôn L thuộc Đảng bộ xã T, huyện H (đã bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 71-QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H); con ông Trần Chiến K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh 1959; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Hứa Chí K3, sinh năm 1992;

Trú tại: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn K đang học việc tại khoa ngoại phụ sản Bệnh viện C tỉnh Tuyên Quang (K ở khu tập thể của Bệnh viện thuộc tổ 8, phường T, huyện T). Trong quá trình học việc tại khoa ngoại, K biết anh Hứa Chí K3 là cán bộ khoa ngoại phụ sản

sử dụng một ngăn tủ sắt của khoa ngoại để đựng đồ cá nhân, K biết anh K3 có tiền để trong ngăn tủ.

Khoảng 18 giờ ngày 08/5/2017, K đi qua phòng ở của anh K3 (cùng dãy tập thể với K) thấy cửa phòng mở, trong phòng không có người, K nhìn thấy chùm chìa khóa của anh K3 treo ở đầu giường ngủ, K nảy sinh ý định trộm cắp tiền của anh K3. K đi vào phòng lấy chùm chìa khóa, sau đó đi lên nhà để xe đứng quan sát thấy không có ai, nhìn thấy cửa sổ phòng mổ khoa ngoại phụ sản có một ô cửa đang mở, bên ngoài cửa sổ có bụi cây che khuất, K chui qua bụi cây trèo qua ô cửa sổ vào trong phòng mổ dùng chùm chìa khóa mở ngăn tủ cá nhân của anh K3, thấy góc bên trái của ngăn tủ có một tập tiền được buộc bằng dây nịt, K lấy tập tiền cho vào túi quần đang mặc rồi khóa tủ lại đi ra khỏi phòng mổ theo lối cũ. Khi đi qua phòng ở của anh K3, thấy không có người, K treo chùm chìa khóa vào vị trí cũ rồi đi về phòng của K lấy số tiền trộm cắp ra đếm được 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), gồm các mệnh giá 500.000đ và 200.000đ. Sau đó, K mang toàn bộ số tiền trộm cắp được trả nợ cho bà Lưu Thị L ở tổ 8, phường T, huyện T.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh K3 đi chơi về lấy chùm chìa khóa lên phòng mổ mở tủ để lấy tiền thì phát hiện toàn bộ số tiền đã bị mất nên báo lãnh đạo bệnh viện. Sáng ngày 10/5/2017, K gặp anh K3 nhận là người đã trộm cắp 60.000.000đ và hứa sẽ trả lại tiền cho anh K3. Chiều ngày 10/5/2017, K đến nhà bà L vay tiếp số tiền 60.000.000đ mang về trả lại cho anh K3, anh K3 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngày 19/5/2017, K và mẹ đẻ đã trả đủ số tiền vay nợ cho bà Lưu Thị L.

Bản cáo trạng số 30/QĐ-KSĐT-P3 ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Trần Văn K về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm e (*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*) khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên. Mục đích bị cáo trộm cắp tiền của anh K3 là để trả nợ cho bà Lưu Thị L ở tổ 8, phường T, huyện T do trước đó bị cáo vay tiền của bà L để chữa bệnh hiểm nghèo do bố bị cáo bị ung thư gan đã ba năm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo hứa chấp hành tốt các quy định không vi phạm pháp luật trở lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát truy tố bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu chứng cứ khác nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 08/5/2017, lợi dụng Khoa Ngoại phụ sản Bệnh viện C Tuyên Quang không có người, bị cáo Trần Văn K một mình thực hiện hành vi trộm cắp 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) của anh Hứa Chí K3 để nhờ trong tủ sắt của khoa ngoại. Hành vi bị cáo trộm cắp tiền của anh K3 là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của bị hại nên bị cáo Trần Văn K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ của bị hại là phạm tội thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” là tình tiết định khung tăng nặng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại; đồng thời, gây mất trật tự trị an tại Bệnh viện C Tuyên Quang làm ảnh hưởng đến công tác quản lý cán bộ, chiến sỹ, công tác bảo vệ tài sản của đơn vị nơi bị cáo và bị hại làm việc nên cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù mới thỏa đáng.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, chưa bao giờ bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; sau hai ngày phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nhận tội với bị hại và bồi thường đầy đủ cho bị hại; anh Hứa Chí K3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (BL số 10). Ngoài ra, bị cáo có đơn xin hưởng án treo, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H xác nhận đề nghị xem xét tạo điều kiện cho Trần Văn K được

giáo dục, cải tạo tại địa phương. Từ các tình tiết trên, Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 để giảm nhẹ mức án cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn hối cải và hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo*, nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/5/2017, bị cáo đã bồi thường số tiền 60.000.000đ cho bị hại Hứa Chí K3, anh K3 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Đối với bà Lưu Thị L đã nhận số tiền 60.000.000đ do bị cáo trả nợ vào ngày 08/5/2017 nhưng bà L không biết số tiền đó là do K trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

[10] Đối với số tiền 60.000.000đ anh K3 bị trộm cắp là do anh K3 đánh bạc mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra trong vụ án khác nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[11] Đối với chiếc điện thoại di động iPhone 6 tạm giữ của Vũ Đức H vào ngày 25/5/2017 (BL 11) có liên quan đến hành vi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã chuyển chiếc điện thoại sang vụ án đánh bạc theo Công văn số 1079/PC45 ngày 20/10/2017 nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo*;

Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: **Trần Văn K 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14 tháng 12 năm 2017.

Giao Trần Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh (2 bản);
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo, Bị hại;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án;
- THA hình sự;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Oanh